

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II (LỊCH SỬ)**

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			Trắc nghiệm khách quan						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng - sai									
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Chương 5: THẾ GIỚI TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY	Nội dung 1: Liên bang Nga và nước Mỹ từ năm 1991 đến nay	2			2ý	2ý					4	2		15%
		Nội dung 2: Châu Á từ năm 1991 đến nay		2									2		5%
2	Chương 6. VIỆT NAM TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY	Nội dung 1: Công cuộc đổi mới từ năm 1991 đến nay	2									2			5%
3	Chương 7: CM KHKT VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA	Nội dung 1: Cách mạng khoa học, kĩ thuật và xu thế toàn cầu				2ý	2ý				2	2	2	2	25%
Tổng số câu			4	2		4	4				2	8	6	2	16
Tổng số điểm			1,5			2,0			1,5			2,0	1,5	1,5	5,0
Tỉ lệ %			15			20			15			20	15	15	50

## BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II (LỊCH SỬ)

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt (Đã được tách ra các chỉ báo và mức độ)	Số lượng chỉ báo		
				Trắc nghiệm		Tự luận
				Nhiều lựa chọn	Đúng-Sai	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)
1	<b>Chương 5: THẾ GIỚI TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY</b>	Nội dung 1: Liên bang Nga và nước Mỹ từ năm 1991 đến nay	<b>Biết:</b> – Nêu được tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay.(NL1) <b>Hiểu:</b> – Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ từ năm 1991 đến nay. (NL2)	2	4	
		Nội dung 2: Châu Á từ năm 1991 đến nay	<b>Hiểu:</b> – Giới thiệu được sự phát triển kinh tế – xã hội của các nước Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) từ năm 1991 đến nay. (NL2) – Mô tả được quá trình phát triển của ASEAN từ năm 1991 đến nay và những nét chính của Cộng đồng ASEAN. (NL2)	2		
2	<b>Chương 6. VIỆT NAM TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY</b>	Nội dung 1: Công cuộc đổi mới từ năm 1991 đến nay	<b>Biết:</b> – Nêu được những thành tựu tiêu biểu (trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh...) của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay. ( NL1)	2		

3	Chương 7: <b>CÁCH MẠNG KHOA HỌC, KỸ THUẬT VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA</b>	Nội dung 1: Cách mạng khoa học, kỹ thuật và xu thế toàn cầu	<b>Biết:</b> – Trình bày được những nét cơ bản về xu hướng toàn cầu hoá. (NL1) <b>Hiểu:</b> – Mô tả được những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học kỹ thuật trên thế giới. (NL2) <b>Vận dụng:</b> – Đánh giá được tác động của toàn cầu hoá đối với thế giới và Việt Nam. (NL3) – Liên hệ được tác động của toàn cầu hoá đối với thế giới và Việt Nam. (NL3)		4	2
	Số chủ đề	Số nội dung	Số chỉ báo	6	8	2

# KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II (ĐỊA LÝ)

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm	
			Trắc nghiệm khách quan									Tự luận							
			Nhiều lựa chọn			Đúng - sai			Trả lời ngắn										
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD		
1	VÙNG TÂY NGUYÊN	Nội dung 1: Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ	1													1			2,5%
		Nội dung 2: Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên																	
		Nội dug 3. Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng																	
		Nội dung 4. Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng	1			2ý	2ý								3	2		12,5%	
		Nội dung 1:	1												1			2,5%	

[illegible]

		Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên															
		Nội dung 3: Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng															
		Nội dung 4: Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng										1				1	5%
		Nội dung 5: Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long															
4	PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP KINH TẾ VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN,	Nội dung 1: Biển và đảo Việt Nam															
		Nội dung 2: Phát triển tổng hợp kinh tế biển							1						1		5%

	MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO	Nội dung 3: Khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đảo											1			1	10%	
Tổng số câu			6			2 ý	2 ý			2			2	8	4	2	14	
Tổng số điểm			1,5			0,5	0,5			1			1,5	2	1,5	1,5	5	
Tỉ lệ %			15			10			10			15			20	15	15	50

## BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II (ĐỊA LÝ)

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt (Đã được tách ra các chỉ báo và mức độ)	Số lượng chỉ báo			
				Trắc nghiệm			Tự luận
				Nhiều lựa chọn	Đúng-Sai	Trả lời ngắn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1		Nội dung 1: Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ	<b>Biết:</b> -Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. (NL1)	1			
		Nội dung 2: Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	<b>Hiểu:</b> – Trình bày được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.(NL2)				

	VÙNG NGUYÊN TÂY	Nội dung 3. Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng	<b>Hiểu:</b> – Nhận xét được đặc điểm dân cư, văn hoá của các dân tộc Tây Nguyên. .(NL2)				
		Nội dung 4. Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng	<b>Biết:</b> – Trình bày được sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế thế mạnh của vùng Tây Nguyên: trồng cây công nghiệp lâu năm; phát triển du lịch; thủy điện và khai thác khoáng sản; .(NL1)  <b>Hiểu:</b> – Trình bày được các vấn đề môi trường trong phát triển kinh tế-xã hội.(NL2)	1	2		
2	VÙNG ĐÔNG NAM BỘ	Nội dung 1: Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ	<b>Biết:</b> – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng..(NL1)	1			
		Nội dung 2: Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	<b>Hiểu:</b> – Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.(NL2)			1	
		Nội dung 3: Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng	<b>Biết:</b> – Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hoá ở vùng Đông Nam Bộ. (NL1)	1			
		Nội dung 4: Đặc điểm phát triển và phân bố các	<b>Biết :</b> – Trình bày được sự phát triển và phân bố một	1			2



3		ngành kinh tế của vùng	<p>trong các ngành kinh tế thế mạnh của vùng: công nghiệp, phát triển cây công nghiệp; du lịch và thương mại (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). (NL1)</p> <p><b>- Vận dụng:</b></p> <p>– Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh.( NL3)</p> <p>– Phân tích được ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng. ( NL3)</p>				
		Nội dung 5: Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	<p><b>Vận dụng:</b></p> <p>– Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. ( NL3)</p>				
	ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG	Nội dung 1: Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ	<p><b>Biết:</b></p> <p>Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. (NL1)</p>	1			
		Nội dung 2: Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	<p><b>Hiểu:</b></p> <p>– Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.(NL2)</p>				
		Nội dung 3: Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng	<p><b>Hiểu:</b></p> <p>– Phân tích được đặc điểm dân cư; một số vấn đề xã hội của vùng.(NL2)</p>				

		<p>Nội dung 4: Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng</p>	<p><b>Biết:</b></p> <p>– Trình bày được sự phát triển và phân bố một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng: sản xuất lương thực, trồng cây ăn quả, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, phát triển du lịch (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). (NL1)</p>				1
		<p>Nội dung 5: Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long</p>	<p><b>Hiểu:</b></p> <p>– Trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long. (NL2)</p> <p><b>Vận dụng :</b></p> <p>– Tìm hiểu thông tin và phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long; đề xuất giải pháp ứng phó.(NL3)</p>				
4	PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP KINH TẾ VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO	<p>Nội dung 1: Biển và đảo Việt Nam</p>	<p><b>Biết:</b></p> <p>– Trình bày được trên sơ đồ các vùng biển quốc gia; xác định trên bản đồ các huyện đảo và các tỉnh có các huyện đảo đó.(NL1)</p>				
		<p>Nội dung 2: Phát triển tổng hợp kinh tế biển</p>	<p><b>Hiểu:</b></p> <p>– Trình bày được nội dung phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển; ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển đảo đối với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. ( NL2)</p>			1	
		<p>Nội dung 3: Khai thác tài nguyên</p>	<p><b>Vận dụng</b></p>				1

		và bảo vệ môi trường biển đảo	– Phân tích được vấn đề khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. (NL3)				
	Số chủ đề	Số nội dung	Số chỉ báo	6	4	2	2

## **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I**

**Môn: Địa lí. Lớp: 8**

**Thời gian làm bài: 45 phút**

### **PHẦN A. TRẮC NGHIỆM**

**I. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6** (Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn 1 phương án)

**Câu 1.** Trên đất liền, Việt Nam có chung đường biên giới với những quốc gia nào?

A.Trung Quốc, Thái Lan, Cam-Pu-Chia.

C.Trung Quốc, Thái Lan, Lào.

**B.Trung Quốc, Lào, Cam-Pu-Chia.**

D.Trung Quốc, Thái Lan, Mi-an-ma

**Câu 2.** Dãy núi nào **không** thuộc vùng núi Đông Bắc?

A. Đông Triều.

**B. Hoàng Sơn.**

C. Ngân Sơn.

D. Bắc Sơn

**Câu 3.** Lãnh thổ nước ta nằm trong vành đai khí hậu

A. ôn đới.

B. xích đạo.

**C. nhiệt đới.**

D. cận xích đạo.

**Câu 4.** Số giờ nắng trung bình của nước ta đạt

**A. 1400 – 3000 giờ.**

B. 2000 – 3000 giờ.

C. 1000 – 1200 giờ.

D. 2500 – 3500 giờ.

**Câu 5.** Hệ thống sông có độ dài sông chính lớn nhất trên lãnh thổ nước ta là

A. sông Hồng.

B. sông Mê Công.

C. sông Mã.

**D. sông Đồng Nai**

**Câu 6.** Sông Hồng đổ ra biển qua 3 cửa nào?

A. Ba Lạt, Lạch Trường, Lạch Giang.

**B. Ba Lạt, Trà Lí, Lạch Giang.**

C. Ba Lạt, Ba Lai, Văn Úc.

C. Nam Triệu, Ba Lai, Văn Úc.

**II. Trong các phát biểu sau, đâu là phát biểu đúng, đâu là phát biểu sai khi nói về đặc điểm chung của khí hậu Việt Nam?**

Trong các phát biểu sau, đâu là phát biểu đúng, đâu là phát biểu sai khi nói về đặc điểm chung của khí hậu Việt Nam?

A) Tính nhiệt đới của khí hậu nước ta chỉ được thể hiện qua nhiệt độ không khí trung bình năm của cả nước.

B) Tính nhiệt đới của khí hậu nước ta chỉ được thể hiện qua số giờ nắng.

C) Tính nhiệt đới của khí hậu nước ta được thể hiện qua nhiệt độ không khí trung bình năm của cả nước và số giờ nắng.

D) Nhiệt độ trung bình năm của cả nước đều lớn hơn 20°C (trừ vùng núi cao)

Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)
A	
B	
C	
D	

**III. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2**

**Câu hỏi 1:** Vì sao các hoạt động du lịch ở miền Nam nước ta có thể diễn ra quanh năm?

.....

**Câu hỏi 2:** Sự phân hóa khí hậu giữa miền Bắc và miền Nam ảnh hưởng như thế nào đến mùa vụ du lịch?

.....

**PHẦN B. TỰ LUẬN (1,5 điểm)**

**Câu 1.** (1 điểm) Việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở một lưu vực sông có tầm quan trọng như thế nào?

**Câu 2.** (0,5 điểm) Chứng minh sự phân hóa đa dạng của khí hậu đã ảnh hưởng đến mùa vụ du lịch của hai miền.

**ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**  
**Môn: Địa lí. Lớp: 8**

**PHẦN A. TRẮC NGHIỆM (3,5 điểm)**

**I.** Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	D	A	A	A	C

**II.** Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm

Lệnh hỏi	Đáp án
----------	--------

	(Đ/S)
A	S
B	S
C	Đ
D	Đ

**III.** Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,5 điểm

Câu	Đáp án
1	Vị trí không chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc, không có mùa đông lạnh
2	Khác biệt về thời gian du lịch giữa hai miền

**PHẦN B. TỰ LUẬN (1,5 điểm)**

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
<b>Câu 1</b>	<b>Việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở một lưu vực sông có tầm quan trọng:</b>	<b>1,0</b>
	* Thế mạnh:	
	- Nguồn nước sông được sử dụng vào nhiều mục đích: giao thông, du lịch, sinh hoạt, tưới tiêu, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản,...	0.25
	- Việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước có vai trò quan trọng đối với sản xuất và sinh hoạt của người dân.	0.25
	- Sử dụng tổng hợp tài nguyên nước sông mang lại hiệu quả kinh tế cao, đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước của các ngành kinh tế; đồng thời góp phần phòng chống thiên tai (bão, lũ).	0.25
	* Hạn chế: Sử dụng chưa hợp lý nguồn nước dẫn đến lãng phí và ô nhiễm nguồn nước.	0.25
<b>Câu 2</b>	<b>Sự phân hóa đa dạng của khí hậu ảnh hưởng đến mùa vụ du lịch của hai miền:</b>	<b>0,5</b>
	- Miền Bắc: có mùa đông lạnh nên các hoạt động du lịch biển hầu như chỉ diễn ra vào mùa hạ như ở Sầm Sơn,	0.25

	Cửa Lò, Lăng Cô,...	
	- Miền Nam: khí hậu nóng quanh năm với mùa mưa và mùa khô nên các hoạt động du lịch có thể diễn ra quanh năm: Nha Trang, Mũi Né, Phú Quốc,...	0,25

-----**HẾT**-----